

Số: /2026/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

## THÔNG TƯ

### Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ các hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ các hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ để khuyến khích các tài năng sáng tạo, hình thành các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là dịch vụ sự nghiệp công).

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

#### Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này là mức tối đa để hoàn thành việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để tính mức hao phí các yếu tố về lao động, vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng để hoàn thành một đơn vị sản phẩm

hoặc một khối lượng công việc nhất định trong một điều kiện cụ thể của dịch vụ sự nghiệp công.

### 3. Xác định chức danh lao động

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư quy định tại điểm a khoản này thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc tại các cơ quan không như quy định trong bảng định mức kinh tế - kỹ thuật thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc lao động tương đương hoặc hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này;

d) Công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

### **Điều 3. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật**

#### 1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí về nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn của dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công. Mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (08 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng trong cùng một bảng định mức;

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng trên tổng thời gian khấu hao máy với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần

thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng 5% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm:

- a) Tên định mức;
- b) Mô tả nội dung công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;
- c) Bảng định mức, bao gồm:
  - Hao phí nhân công: Chức danh và hạng bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí lao động;
  - Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc, thiết bị, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí sử dụng máy móc, thiết bị sử dụng;
  - Hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí và trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;
  - Trị số định mức: Là giá trị tính bằng số của thời gian, số lượng thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;
  - Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật hỗ trợ tổ chức trại sáng tác quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, các bộ, ngành, các cơ quan có liên quan tại trung ương và địa phương thực hiện hỗ trợ hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị đề xuất, trình cơ quan ra Quyết định tổ chức trại sáng tác áp dụng định mức cụ thể.
2. Khuyến khích các tổ chức ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này.
3. Việc triển khai phải bảo đảm đúng mục tiêu, cụ thể, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng .... năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để xây dựng Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Nghệ thuật biểu diễn) để xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH TTDL;
- Các đơn vị thuộc Bộ VH TTDL;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Sở VH TTDL, Sở VH TT;
- Trung tâm chuyển đổi số VH TTDL;
- Lưu: VT, Cục NTBD, KT.300.

**BỘ TRƯỞNG**

**Lâm Thị Phương Thanh**

**Phụ lục**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ- KỸ THUẬT HỖ TRỢ**  
**TỔ CHỨC TRẠI SÁNG TÁC**  
(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**I. MÔ TẢ NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

*ĐVT: 01 trại sáng tác gồm: 15 người/15 ngày*

<b>STT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Hạng viên chức, lao động hợp đồng</b>
1	<i>Khảo sát tổ chức trại sáng tác</i>	Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC
2	<i>Tổ chức truyền thông cho trại sáng tác gồm:</i> - Xây dựng thông cáo báo chí; - Bộ nhận diện trại sáng tác; - Viết và đăng tin bài về trại sáng tác.	Viên chức hạng III, II và tương đương
3	<i>Công tác chuẩn bị tổ chức trại sáng tác gồm:</i> - Gửi văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức trại sáng tác đăng ký người tham gia trại sáng tác; - Tiếp nhận văn bản đăng ký và đề cương các tác phẩm; - Xây dựng và ban hành văn bản liên quan ( <i>Quyết định tổ chức trại sáng tác, thành lập Hội đồng thẩm định, Thư ký và Ban Tổ chức</i> ).	Viên chức hạng III, II và tương đương
4	<i>Triển khai một số nội dung cụ thể để tổ chức trại sáng tác gồm:</i> - Phối hợp với các đơn vị tham gia trại sáng tác thống nhất nội dung, số lượng người tham gia, đề cương tác phẩm; - Ban hành kế hoạch, chương trình, nội dung trại sáng tác;	Viên chức hạng III, II và tương đương

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức, lao động hợp đồng
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng thẩm định các đề cương tác phẩm văn học, nghệ thuật trước khi tham gia trại sáng tác;</li> <li>- Phân công nhiệm vụ tổ chức trại sáng tác.</li> </ul>	
5	<p><i>Tổ chức khai mạc trại sáng tác gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp với đơn vị tổ chức trại sáng tác để thống nhất chương trình, thời gian, khách mời, khánh tiết và các nhiệm vụ tương đương khác;</li> <li>- Tổ chức Lễ khai mạc (<i>Mời đại biểu các cơ quan liên quan, phát biểu chỉ đạo của Ban Tổ chức, thông qua nội dung, chương trình trại sáng tác, phát biểu của người tham gia và các nhiệm vụ tương đương khác</i>).</li> </ul>	Viên chức hạng III, II và tương đương
6	<p><i>Tổ chức toạ đàm chuyên sâu theo chủ đề của trại sáng tác gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lý chủ trì toạ đàm;</li> <li>- Chuyên gia xây dựng các bài viết theo chuyên đề.</li> </ul>	Thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC
7	Phục vụ văn nghệ sĩ trong thời gian tham gia trại sáng tác	Lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (Lễ tân, bảo vệ, phục vụ buồng phòng, tạp vụ)
8	<p><i>Tổ chức bế mạc trại sáng tác gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp thống nhất với đơn vị tổ chức về chương trình bế mạc trại sáng tác.</li> <li>- Tổ chức Lễ bế mạc (<i>Mời đại biểu các cơ quan liên quan, báo cáo của văn nghệ sĩ về kết quả sáng tác tại trại sáng tác, phát biểu đánh giá, tổng kết trại sáng tác của Ban Tổ chức</i>).</li> </ul>	Viên chức hạng III, II và tương đương

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức, lao động hợp đồng
9	Tổng hợp các tác phẩm tham gia trại sáng tác	Viên chức hạng III, II và tương đương
10	Biên tập các tác phẩm văn học, nghệ thuật được sáng tạo tại trại sáng tác để cập nhật trên trang tin điện tử	Viên chức hạng III, II và tương đương
11	Hội đồng, Thư ký Hội đồng tổng hợp, thẩm định và đánh giá các tác phẩm tham gia trại sáng tác	Viên chức hạng III, II và tương đương
12	Tổng kết đánh giá kết quả trại sáng tác theo Kế hoạch với Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.	Viên chức hạng III, II và tương đương

## II. BẢNG ĐỊNH MỨC

*DVT: 01 trại sáng tác gồm: 15 người/15 ngày*

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Nhân công</b>			
<b>1</b>	<b>Lao động trực tiếp/người</b>		<b>616</b>	
1.1	Viên chức Hạng III, II và tương đương ( <i>Xây dựng kế hoạch tổ chức trại sáng tác, tiếp nhận đề cương tác phẩm, xây dựng và ban hành văn bản, tổ chức họp và làm việc với các cơ quan, đơn vị tổ chức trại sáng tác</i> )	Công	25	
1.2	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Khảo sát tổ chức trại sáng tác</i> )	Công	20	
1.3	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Tổ chức truyền thông</i> )	Công	17	
1.4	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Tổ chức khai mạc, bế mạc trại sáng tác</i> )	Công	22	
1.5	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Tổ chức tọa đàm</i> )	Công	20	
1.6	Nhân viên kỹ thuật ( <i>Tổ chức khai mạc, tọa đàm, bế mạc trại sáng tác</i> )	Công	28	
1.7	Nhân viên bảo vệ (24/24)	Công	171	

<b>STT</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức hao phí</b>	<b>Ghi chú</b>
1.8	Nhân viên lễ tân (24/24)	Công	171	
1.9	Nhân viên phục vụ buồng phòng	Công	56	
1.10	Nhân viên tạp vụ	Công	28	
1.11	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Tổng hợp các tác phẩm đã được sáng tác, thẩm định và đánh giá các tác phẩm tham gia trại sáng tác</i> )	Công	28	
1.12	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Biên tập các tác phẩm văn học, nghệ thuật được sáng tạo tại trại sáng tác để cập nhật trên trang tin điện tử</i> )	Công	30	
<b>2</b>	<b>Lao động gián tiếp/người (tương đương 15%)</b>		<b>88</b>	
2.1	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Giám đốc và Phó Giám đốc</i> )	Công	12	
2.2	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Trưởng phòng, Phó trưởng phòng</i> )	Công	16	
2.3	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Chuyên viên hành chính - văn phòng</i> )	Công	7	
2.4	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Chuyên viên quản lý nguồn nhân lực</i> )	Công	7	
2.5	Viên chức hạng III, II và tương đương ( <i>Kế toán viên</i> )	Công	11	
2.6	Nhân viên bảo vệ	Công	25	
2.7	Nhân viên lái xe	Công	5	
2.8	Nhân viên tạp vụ	Công	5	
<b>B</b>	<b>Tiêu hao vật liệu và máy móc</b>			
1	Tiêu hao nước uống	Lít	225	
2	Tiêu hao điện	Kw	7.500	
3	Tiêu hao nước sinh hoạt	M3	250	

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí	Ghi chú
4	Tiêu hao nhiên liệu	Lít	124	Xăng, dầu (ô tô, máy phát điện)
5	Trà uống	Kg	22,50	
6	Giấy ăn	Gói nhỏ	225	10 tờ/gói
7	Giấy vệ sinh	Cuộn	29,93	
8	Xà phòng tắm, bàn chải, kem đánh răng, tắm bông.	Bộ	225	
9	Khăn tắm	Cái	1,89	
10	Dép đi trong nhà	Đôi	1,89	
11	Ga trải giường	Bộ	1,89	
12	Chăn	Cái	1,89	
13	Gối	Cái	1,89	
14	Nước tẩy	Lít	15,08	
15	Xà phòng giặt	Kg	11,25	
16	Nước lau sàn	Lít	15,08	
17	Máy sấy tóc	Cái	1,89	
18	Bàn là	Cái	0,68	
19	Giỏ đựng rác	Cái	0,68	
20	Cây lau nhà	Cái	1,89	
21	Bộ ấm chén	Bộ	0,68	
22	Ấm siêu tốc	Cái	1,35	
23	Quạt cây	Cái	0,68	
24	Đèn bàn làm việc	Cái	0,68	
25	Ti vi	Cái	0,20	
26	Tủ lạnh	Cái	0,32	
27	Bàn, ghế làm việc	Bộ	0,20	
28	Vật tư văn phòng, thông tin truyền liên lạc: giấy, bút, mực in, điện thoại, internet...		5% giá trị vật liệu và máy	

<b>STT</b>	<b>Thành phần hao phí</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Trị số định mức hao phí</b>	<b>Ghi chú</b>
29	Sửa chữa thay thế nhỏ		5% giá trị vật liệu và máy	
30	Chi khác		10% giá trị vật liệu và máy	

*Ghi chú:*

Phương pháp xây dựng định mức: Dùng phương pháp thống kê thực tiễn tại Trung tâm Hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật trong 03 năm 2023, 2024, 2025.

Định mức trên chưa bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định./.